

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-03- 2018  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN - CAO BẰNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Kim Chi

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nông Thị Phương Loan
2. Bà Lưu Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Tân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 20 tháng 03 năm 2018, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ Ngày 06 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mông Thị Th, sinh năm: 1983, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Dương Trọng Đ, sinh năm: 1977, có đề nghị xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mông Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Trọng Đ kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân không được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình nhưng chưa Đ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được 5 năm nhưng không có ngày nào hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu sự chia sẻ và luôn bất đồng quan ĐỀM trong cuộc sống, anh Đ thường xuyên bạo lực gia đình khiến chị phải vào viện Điều trị nhiều lần. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành, chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 6/2009 đến nay. Hiện chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung họ tên là: Dương Thị Ngọc B, sinh ngày 08/10/2004. Hiện nay con đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2018 bị đơn anh Dương Trọng Đ trình bày:

Về thời gian, Điều kiện kết hôn như chị Th trình bày.

Về quá trình chung sống sau khi kết hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó chị Th tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, anh có đến đón hai mẹ con về nhiều lần nhưng chị Th không trở về. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị Th. Đề nghị Tòa án giải quyết đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con chung.

Về con chung: Nếu phải ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của con là được sống chung với mẹ, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bị đơn trợ cấp nuôi con chung. Bị đơn yêu cầu được đoàn tụ để về cùng nhau chăm sóc con chung, nếu phải ly hôn con chung sẽ theo nguyện vọng của con và không cấp dưỡng, về tài sản chung, vay nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mông Thị Th có quan hệ hôn nhân với anh Dương Trọng Đ, địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nay chị Th khởi kiện xin ly hôn với anh Đ, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Tỉnh Cao Bằng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của nguyên, bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nhưng tại bản khai ngày 22/01/2018 anh Đ đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Đếm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị Th và anh Dương Trọng Đ kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân không được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống được 05 năm nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng thiếu sự chia sẻ và luôn bất đồng quan Đếm trong cuộc sống, anh Đ thường xuyên bạo lực gia đình khiến chị Th phải vào viện Đều trị nhiều lần. Gia đình hai bên đã khuyến bảo, hòa giải nhưng không thành, chị Th và anh Đ đã sống ly thân từ tháng

6/2009 đến nay. Hiện anh Đ xác định còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu đoàn tụ, nhưng thời gian sống ly thân đã lâu, anh Đ không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm để vợ quay về đoàn tụ và Đ đăng kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của anh Đ là không có căn cứ để xem xét nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị Th và anh Đ không đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, xét cần phải tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Đ.

3.2. Về con chung: Chị Th và anh Đ thỏa thuận, giao con chung Dương Thị Ngọc B sinh ngày 08/10/2004 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết. Sự thỏa thuận của hai bên đương sự là phù hợp với nguyện vọng của con chung cháu Dương Thị Ngọc Bích là được sống chung cùng mẹ, phù hợp với quy định của pháp luật nên xét thấy cần được ghi nhận trong bản án.

3.3. Về Cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

3.4. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Th, anh Đ xác định không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 các Điều 28, 35, 39; Dèm b khoản 1 Điều 238 ; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Mông Thị Th.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mông Thị Th và anh Dương Trọng Đ.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Th và anh Đ là giao con chung Dương Thị Ngọc B sinh ngày 08/10/2004 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp

nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về mức cấp dưỡng : Chị Th không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Mông Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AB/2012/02216 ngày 05/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS H;
- UBND xã ;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Hoàng kim Chi**

